TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53** /2021/HS-ST
Ngày 29 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên, bà Nguyễn Thị Tâm, bà Trịnh Thị Kim Thanh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Phan Thanh B, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1990 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ 2, phường Y, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Y tá Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Viết H và bà Phạm Thị Thanh H; có vợ Trần Thị H, sinh năm 1991 và 01 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/3/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Hà Minh Phương - Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Số nhà 322, đường Q, tổ 9, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Bùi Xuân C, sinh năm 1981; có mặt;

Địa chỉ: Tổ 11, phường P, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Thắng Q, sinh năm 1989; có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố Km9, thị trấn Yên Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Ông Phan Viết H, sinh năm 1969; có mặt;

Địa chỉ: Tổ 2, phường Y, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Nguyễn Quang L, sinh năm 1990, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 6, phường T, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2020, Phan Thanh B, sinh năm 1990, trú tại tổ 2, phường Y, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI TUCSON và đăng ký biển kiểm soát 22A - 112.81. Sau đó, B và vợ là Trần Thị Hoa đã sử dụng chiếc xe này thế chấp và cùng đứng tên vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), chi nhánh Trung Kính, Thành phố Hà Nội số tiền 591.000.000 đồng; Ngân hàng VPBank giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giao chiếc xe ô tô cùng 01 bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký xe cho B sử dụng.

Cuối tháng 5/2020, do cần tiền chi tiêu cá nhân, B đã nhờ Phạm Thắng Q, trú tại Km9, xã T, huyện Yên Sơn giới thiệu để B bán chiếc xe ô tô trên cho anh Bùi Xuân C, trú tại tổ 11, phường P, thành phố Tuyên Quang (là chú của Quân), với giá thỏa thuận là 850.000.000 đồng. Ngày 30/5/2020, B đến nhà anh C thống nhất việc mua bán xe và anh C đã chuyển trước cho B 100.000.000 đồng để đặt cọc mua xe (chuyển tiền từ tài khoản số 101870682162 của vợ anh C là chị Nguyễn Thị Thanh đến tài khoản số 104005776079 của B. Cả hai số tài khoản này đều được mở tại Ngân hàng Viettinbank).

Do bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đang thế chấp tại Ngân hàng VPBank và để bán được xe cho anh C, nên sáng ngày 01/6/2020 B đã lên mạng Facebook đặt mua 01 Giấy chứng nhận đăng ký giả của xe ô tô biển kiểm soát 22A - 112.81, với giá 600.000 đồng của một người không rõ nhân thân, lai lịch; đến buổi chiều cùng ngày B nhận được Giấy đăng ký xe giả (qua dịch vụ chuyển phát nhanh). Sau đó, B mang Giấy đăng ký xe giả đến nhà anh C để làm thủ tục mua bán xe và anh C đã trả tiếp cho B 450.000.000 đồng, số tiền 300.000.000 đồng còn lại anh C hẹn sau 03 ngày sẽ trả hết đồng thời B phải giao xe cho anh C. Sau khi nhận tiền, B viết 01 Giấy biên nhận tiền với nội dung đã nhận của anh C 550.000.000 đồng; 01 Giấy bán, cho, tặng xe ô tô, rồi đưa cho anh C giữ cùng với Giấy đăng ký xe giả. Đồng thời, B đề nghị anh C cho mượn lại chiếc xe ô tô để sử dụng làm phương tiện đi lại, anh C đồng ý và yêu cầu B viết 01 Giấy mượn xe ô tô

trong thời gian từ ngày 01/6/2020 đến ngày 10/6/2020. Số tiền 550.000.000 đồng nhận của anh C, B đã chi tiêu cá nhân hết.

Hết thời hạn mượn xe ô tô trên, mặc dù anh C đã nhiều lần yêu cầu, nhưng B không giao xe cho anh C (nên anh C cũng chưa trả cho B số tiền 300.000.000 đồng). Đầu tháng 7/2020, B vay của anh Nguyễn Quang L, trú tại tổ 6, phường T, thành phố Tuyên Quang (là bạn của B) số tiền 750.000.000 đồng và để lại chiếc xe ô tô trên cho anh L giữ làm tin. Sau 10 ngày, anh L yêu cầu B trả số tiền vay trên, nhưng B không có tiền trả nên anh L yêu cầu B bán chiếc xe ô tô để trả nợ, B nói chiếc xe ô tô này đang thế chấp vay tiền Ngân hàng. Đến đầu tháng 10/2020, anh L đến nhà gặp ông Phan Viết Hoà (là bố đẻ của B) đề nghị trả tiền vay cho Ngân hàng để lấy giấy tờ xe ô tô về, rồi bán xe trả tiền cho anh L; ông Hoà nhất trí, nên Long đã đưa thêm cho ông Hoà 50.000.000 đồng để làm thủ tục thanh toán tiền vay cho Ngân hàng VPBank và nhận lại Giấy tờ xe ô tô về đưa cho anh L (tổng số tiền anh L cho B vay là 800.000.000 đồng). Sau khi có giấy tờ xe ô tô, thông qua mạng Internet, anh L đã thỏa thuận bán chiếc xe ô tô của B cho anh Nguyễn Vũ Nam, trú tổ 27B, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với số tiền 830.000.000 đồng và bảo B đứng ra làm thủ tục mua bán xe ô tô, sau đó anh Nam đã trả cho B 830.000.000 đồng, B nhận tiền và trả anh L 800.000.000 đồng, số tiền còn lại 30.000.000 đồng anh L cho B.

Trong thời gian này, anh C tiếp tục nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu B giao chiếc xe ô tô trên và nhận nốt số tiền 300.000.000 đồng, nhưng B đều trốn tránh, không giao xe và cũng không trả lại 550.000.000 đồng đã nhận cho anh C. Do nghi ngờ, anh C đã kiểm tra Giấy đăng ký xe ô tô mà B đưa và phát hiện là Giấy đăng ký xe giả, nên ngày 04/02/2021 anh C đã đến Cơ quan điều tra tố cáo B về hành vi lừa đảo chiếm đoạt 550.000.000 đồng của anh C.

- Tại Kết luận giám định số 217/GĐ-KTHS ngày 09/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Phôi, hình dấu, chữ ký trên Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017770 do bị hại Bùi Xuân C giao nộp không phải phôi, hình dấu, chữ ký do cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền cấp, ký ra.

- Tại Kết luận giám định số 306/GĐ-KTHS ngày 17/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Chữ viết, chữ ký ghi tên Phan Thanh B trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ viết, chữ ký đứng tên Phan Thanh B trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

- Tại các Kết luận giám định số 3857; 3858; 3859/C09-P6 ngày 31/8/2021 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép chỉnh sửa nội dung trong mẫu âm thanh cần giám định, nội dung hội thoại trong các file ghi âm được dịch thành văn bản kèm theo kết luận giám định.

- Tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kiểm tra 02 điện thoại di động của bị cáo Phan Thanh B, nhưng không có dữ liệu liên quan đến nội dung vay mượn tiền giữa anh C và B.

Quá trình điều tra, ban đầu bị cáo Phan Thanh B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên, nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai theo hướng bị cáo nhiều lần vay tiền của anh C với tổng số tiền là 350.000.000 đồng và thống nhất với anh C để B viết giấy mua bán xe ô tô biển kiểm soát 22A - 112.81 cho anh C với số tiền là 850.000.000 đồng, trong đó B đã nhận 550.000.000 đồng, với mục đích để ép ông H (là bố đẻ của B) trả nợ cho anh C. Tuy nhiên, anh C khẳng định lời khai trên của B không đúng sự thật, vì thực tế B đã bán xe ô tô cho anh C với giá 850.000.000 đồng, anh C đã trả trước cho B 550.000.000 đồng, còn nợ 300.000.000 đồng và hẹn hết thời hạn B mượn xe sẽ thanh toán đủ (ngày 10/6/2020), nhưng sau đó B trốn tránh không giao xe và cũng không trả lại 550.000.000 đồng cho anh C. Ngoài ra, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc B vay 350.000.000 đồng của anh C; Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo B với anh C và giữa bị cáo B với anh Phạm Thắng Q (là người giới thiệu anh C mua xe ô tô của B), nhưng cả ba người đều giữ nguyên lời khai. Đến giai đoạn kết thúc điều tra, B đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng, kết luận giám định, kết quả thu giữ dữ liệu điện tử và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 54/CT-VKS-P1 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Phan Thanh B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Thanh B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thanh B từ 12 năm tù đến 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của hai tội bị cáo phải chịu hình phạt chung từ 15 năm tù đến 16 năm 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/3/2021.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét bị cáo không có tài sản, nên không đề nghị phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 122, Điều 127, Điều 313 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phan Thanh B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại anh Bùi Xuân C số tiền là 550.000.000 đồng *(Năm trăm năm mươi triệu đồng).*

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Phan Thanh B các đồ vật, tài liệu sau: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070856856 mang tên Phan Thanh B cấp ngày 04/7/2007, nơi cấp Công an tỉnh Tuyên Quang; 01 điện thoại di động IPHONE XS Max, 01 điện thoại di động IPHONE 7 Plus đã qua sử dụng của bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra tạm giữ 01 Giấy bán, cho, tặng (bản gốc), 01 Giấy biên nhận tiền (bản gốc), 01 Giấy mượn xe (bản gốc) đều đề ngày 01/6/2020, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017770 (kết luận giám định là tài liệu giả), 01 USB vỏ màu trắng 16G, 01 đĩa DVD do bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và anh Lê Ngọc Tuấn giao nộp là chứng cứ của vụ án, đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Luật sư Hà Minh Phương bào chữa cho bị cáo Phan Thanh B trình bày luận cứ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thay đổi lời khai, bị cáo khai nhiều lần vay tiền của anh C với tổng số tiền là 350.000.000 đồng vào ngày 30/5/2020 nhận qua chuyển khoản của vợ anh C là 100.000.000 đồng, ngày 01/6/2020 là 100.000.000 đồng, do bị cáo có nhu cầu vay thêm nhưng anh Q nói phải có tài sản thế chấp nên bị cáo có lên mạng Facebook đặt mua 01 Giấy chứng nhận đăng ký giả của xe ô tô, đến ngày 06/6/2020 bị cáo đem đến vay anh C tiếp 150.000.000 đồng tổng cộng vay 350.000.000 đồng, nhưng thống nhất với anh C để B viết giấy mua bán xe ô tô biển kiểm soát 22A - 112.81, trong đó B đã nhận 550.000.000 đồng, viết thêm 200.000.000 đồng với mục đích để ép ông H (là bố đẻ của B) trả nợ cho anh C, còn lại để B trả nợ ngân hàng. Tuy nhiên, anh C, anh Q khẳng định lời khai trên của B không đúng sự thật, bị cáo không có tài liệu chứng cứ gì khác, nên nhất trí với Cáo trạng đã truy tố bị cáo Phan Thanh B về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ ra rất ân hận, ăn năn hối cải và đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo mức án đầu khung điều luật để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm sớm trở về với gia đình và xã hội. Về trách nhiệm dân sự nhất trí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do bị cáo khó khăn về kinh tế nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến gì khác, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại anh Bùi Xuân C trình bày: Tại phiên tòa bị cáo khai không đúng sự thật, do anh Phạm Thắng Q điện giới thiệu B có bán xe ô tô nên anh nhờ Quân xem hộ, đến ngày 30/5/2020 B đến nhà anh cùng thỏa thuận việc mua bán xe giá là 850.000.000 đồng, anh chuyển khoản từ số tài khoản của vợ anh ứng cho bị cáo B 100.000.000 đồng, B hẹn đến ngày 01/6/2020 đến làm hợp đồng, anh ứng tiếp cho B là 450.000.000 đồng, bị cáo B viết Giấy bán, cho tặng xe trị giá là 850.000.000 đồng; 01 giấy biên nhận tiền số tiền đã nhận là 550.000.000 đồng; 01 giấy mượn xe do bị cáo B đề nghị cho mượn 10 ngày; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; hai bên thỏa thuận số tiền 300.000.000 đồng khi nào sang tên đổi chủ thì trả đủ, đến hẹn bị cáo B không thực hiện như cam kết, anh điện thoại không liên lạc được, sau đó anh đi Miền Nam làm ăn cuối năm về biết bị cáo B đã bán xe ô tô cho người khác, nên đầu năm 2021 anh mới tố cáo hành vi của bị cáo, sau khi Công an thụ lý vụ án anh mới gọi điện cho ông H nói việc bị cáo B lừa anh, không biết việc ông H ghi âm cuộc nói chuyện trên, anh yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là 550.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo nghiêm minh theo quy định pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Phan Thanh B nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại bản hỏi cung, bản tự khai từ ngày 05/3/2021 (BL: 190) đến ngày 13/5/2021 (BL: 218) và tại phiên tòa bị cáo Phan Thanh B thay đổi lời khai bị cáo khai có vay của anh Bùi Xuân C số tiền là 350.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày, mỗi tháng trả 21.000.000 đồng tiền lãi, trong đó ngày 30/5/2020 nhận qua chuyển khoản của vợ anh C là 100.000.000 đồng, ngày 01/6/2020 vay 100.000.000 đồng, đến ngày 06/6/2020 bị cáo hỏi vay tiếp nhưng anh Q yêu cầu phải có tài sản thế chấp, bị cáo có lên mạng Facebook đặt mua 01 Giấy chứng nhận đăng ký giả của xe ô tô, rồi bị cáo đem đến đưa cho anh C làm tin để lừa vay của anh C tiếp 150.000.000 đồng tổng cộng vay 350.000.000 đồng, nhưng thống nhất với anh C để B viết giấy mua bán xe ô tô biển kiểm soát 22A - 112.81, trong đó B đã nhận 550.000.000 đồng, viết thêm 200.000.000 đồng với mục đích để ép ông H (là bố đẻ của bị cáo) trả nợ cho anh C, còn lại để bị cáo trả nợ ngân hàng, bị cáo biết sử dụng giấy tờ giả là vi phạm pháp luật.

Tại Biên bản đối chất (BL 219 - 222) bị cáo Phan Thanh B khai ban đầu tôi khai báo hoàn toàn đúng sự thật là tôi bán xe cho anh C để lừa lấy tiền, nhưng sau đó tôi sợ bị tội nặng, nên tôi đã thay đổi lời khai thành vay mượn tiền của anh C.

Tại Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm lập ngày 04/02/2021 do anh Bùi Xuân C tố giác Phan Thanh B thể hiện trong các ngày 30/5/2020 và 01/6/2020 bị cáo Phan Thanh B đã sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để lừa bán xe ô tô biển kiểm soát 22A - 112.81 cho anh Bùi Xuân C để chiếm đoạt số tiền 550.000.000 đồng của anh C; anh C nộp 01 giấy bán, cho tặng xe (bản gốc) đề ngày 01/6/2020; 01 giấy biên nhận tiền (bản gốc) đề ngày 01/6/2020; 01 giấy mượn xe (bản gốc) đề ngày 01/6/2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản gốc) số 017770; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Thanh B.

Ngoài nội dung thay đổi lời khai của bị cáo ra, không có tài liệu nào phù hợp với nội dung bị cáo Phan Thanh B vay của anh Bùi Xuân C số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Quá trình điều tra bị cáo Phan Thanh B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 30/5/2020 và 01/6/2020 bị cáo Phan Thanh B đã sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để lừa bán xe ô tô biển kiểm soát 22A - 112.81 cho anh Bùi Xuân C, trú tại tổ 11, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang để chiếm đoạt số tiền 550.000.000 đồng của anh C.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Phan Thanh B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để thực hiện hành vi trái pháp luật của bị cáo xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại số tiền lớn để chi tiêu cá nhân. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét bị cáo không có tài sản, nên Hội đồng xét xử không phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức án cho phù hợp pháp luật; về nội dung đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, xét bị cáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 122, Điều 127, Điều 313 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phan Thanh B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại anh Bùi Xuân C số tiền 550.000.000 đồng *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)*.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 chiếc điện thoại tạm giữ của bị cáo Phan Thanh B, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070856856 mang tên Phan Thanh B cấp ngày 04/7/2007, nơi cấp Công an tỉnh Tuyên Quang.

Các tài liệu khác do bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và anh Lê Ngọc Tuấn giao nộp là chứng cứ của vụ án cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[9] Đối với việc bị cáo B đặt mua Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả trên mạng Internet, nhưng bị cáo khai không nhớ địa chỉ trang mạng đã mua bán, không xác định được nhân thân, lai lịch người bán nên không có căn cứ xem xét xử lý.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Bị cáo Phan Thanh B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[12] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Phan Thanh B phạm hai tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1. Xử phạt bị cáo Phan Thanh B 12 (mười hai) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 03 (ba) năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Phan Thanh B phải chấp hành hình phạt chung 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 04/3/2021.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 122, Điều 127, Điều 313 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phan Thanh B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại anh Bùi Xuân C, trú tại tổ 11, phường P, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 550.000.000 đồng *(Năm trăm năm mươi triệu đồng)*.

Khoản tiền hoàn trả, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo 01 Giấy chứng minh nhân dân số 070856856 mang tên Phan Thanh B, cấp ngày 04/7/2007, nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang.

- Trả lại cho bị cáo Phan Thanh B 01 (một) điện thoại di động Iphone Xs Max, màu vàng hồng, đã qua sử dụng, số IMEI1: 357267090921614, số IMEI2: 357267091120026, điện thoại lắp 01 sim có số: 8984048000302349375 (ký hiệu A1); 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng hồng, đã qua sử dụng, số IMEI: 355357081407863, điện thoại lắp 01 sim có số: 8984048000037683289 (ký hiệu A2); được đựng trong 02 phong bì niêm phong dán kín trên các mép niêm phong có dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang và chữ ký, chữ viết của Giám định viên Nguyễn Sơn Đông, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(*Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 04/11/2021.*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thanh B phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 26.000.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/12/2021.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hà Văn Chương